

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 22/4/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và quản lý vận tải, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**1. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện**

Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan đã chỉ đạo các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn chủ động định hướng dư luận, tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, tạo sự đồng thuận cao hơn trong xã hội về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và quản lý vận tải, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh. Qua đó ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông, của người kinh doanh vận tải từng bước được nâng lên; hiệu lực quản lý nhà nước về giao thông vận tải đã được tăng cường; tai nạn giao thông (TNGT) được kiểm chế giảm về số vụ, số người chết, số người bị thương.

UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 2573/UBND-GT ngày 15/5/2015 chỉ đạo Ban ATGT tỉnh, Sở Giao thông vận tải và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, công việc cụ thể để hoàn thành mục tiêu chỉ thị đề ra; các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong công tác điều hành, lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng kế hoạch và đề ra các giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, thường xuyên đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân về định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và quản lý vận tải, đảm bảo TTATGT trên địa bàn.

Căn cứ vào tình hình thực tế, các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị đã chủ động xây dựng, quán triệt nội dung chỉ thị và ban hành nhiều kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành mục tiêu đề ra; cụ thể: Đảng ủy Công an tỉnh đã ban hành kế hoạch số 01-KH/ĐUCA ngày 17/8/2015 triển khai đến các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc thực hiện (trong đó xác định công tác bảo đảm TTATGT là nhiệm vụ cấp bách, quan trọng, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện); Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 818/KHĐT ngày 23/8/2016 báo cáo về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ giai 2016-2020; Sở Giao thông vận tải có Văn bản số 26/SGTVT-BC ngày 01/3/2016 đề xuất chương trình hành động thực hiện khâu đột phá chiến lược xây dựng hạ tầng giao thông đường quốc lộ giai đoạn 2016-2020; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và các cơ quan thành viên Ban An toàn giao thông tỉnh, UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc quán triệt đến cán bộ công chức thuộc các

phòng, ban, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp vận tải và nhân dân trên địa bàn nội dung Chỉ thị số 31-CT/TU...

2. Công tác phát triển kết cấu hạ tầng giao thông

Giai đoạn 2015-2020, tỉnh Lâm Đồng đã chú trọng, ưu tiên các nguồn lực đầu tư phát triển, khắc phục tình trạng hạ tầng giao thông còn yếu và thiếu; chỉ đạo các sở, ngành phối hợp với chính quyền các địa phương hoàn thành các quy hoạch, chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể; tập trung đầu tư hệ thống giao thông đối nội, đối ngoại, hệ thống giao thông nông thôn với mục tiêu kết nối, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, bảo đảm chất lượng và tiến độ xây dựng các công trình hạ tầng giao thông; thúc đẩy xã hội hóa ở các lĩnh vực: thu hút đầu tư xây dựng khai thác hệ thống bến, bãi đậu xe; đầu tư khai thác xe buýt phục vụ giao thông công cộng nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại ngày càng tăng của nhân dân và khách du lịch đến tham quan tại địa phương. Kết quả như sau:

a) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông

Tổng kinh phí đầu tư cho hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh là 6.742 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Trung ương 3.133 tỷ đồng, ngân sách địa phương 3.609 tỷ đồng, cụ thể:

- Về giao thông đối ngoại: đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải xây dựng hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng một số tuyến giao thông quan trọng, như: Quốc lộ 20 (*đoạn Bảo Lộc - thị trấn D'ran, huyện Đơn Dương*); nâng một số tuyến đường Tỉnh thành các tuyến quốc lộ như: Quốc lộ 28B, Quốc lộ 27C; đang đầu tư tuyến Quốc lộ 20 đoạn tránh thành phố Bảo Lộc. Riêng dự án đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương đã được Chính phủ thống nhất nguyên tắc phân đoạn, phân kỳ đầu tư và chủ trương thu xếp, huy động nguồn vốn để thực hiện dự án trong giai đoạn 2017-2020 nhưng do khó khăn trong tìm kiếm nguồn vốn nên đến nay vẫn chưa thực hiện, Bộ Giao thông vận tải đã đưa dự án đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương vào đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (*theo Đề án kết nối mạng giao thông các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên và Đề án kết nối mạng giao thông các tỉnh Đông Nam Bộ*) và hiện nay đã hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi đoạn Dầu Giây - Tân Phú, dự kiến tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thi công trong năm 2021 (*có phụ lục danh mục đầu tư các công trình kèm theo*).

- Về giao thông đối nội:

+ Đã đầu tư hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng các dự án, công trình: đường ĐT.725 (*từ nhà máy Alumin Tân Rai đến Quốc lộ 20*); đường ĐT.725 (*đoạn Tân Thanh - Tân Lâm, đèo Tà Nung, cầu Cam Ly Thượng và Thác Voi*); quốc lộ 27C (*đoạn Đà Lạt - Đạ Cháy*); đường nối khu du lịch Hồ Tuyền Lâm với đường cao tốc Liên Khương - chân đèo Prenn; các cầu trên tuyến đường Liên Hưng - Đầm Ròn và nhiều công trình giao thông trong đô thị (*như: đường từ ngã ba Đarahoa đến đường Hồ Xuân Hương, đường Nguyễn Hoàng, cầu Trần Quý Cáp, thành phố Đà Lạt; đường Phan Chu Trinh, đường Lý Thường Kiệt, đường Lộc Nga - Tân Lạc, thành phố Bảo Lộc...*). Qua đó, đảm bảo chức năng kết nối với hệ thống giao thông đối ngoại, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội và giảm ùn

tắc giao thông trên địa bàn tỉnh (có phụ lục danh mục đầu tư các công trình kèm theo).

+ Ngoài ra, thực hiện Đề án phát triển đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 (tại Quyết định số 1429/QĐ-UBND của UBND tỉnh) theo phương thức “*Nhân dân làm công trình, Nhà nước hỗ trợ*”. Đến nay, hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh được cứng hóa khoảng 6.313 km/7.480 km, đạt tỉ lệ 84%; số xã có đường giao thông đến trung tâm xã 111/111 xã, đạt tỷ lệ 100%; số xã đạt tiêu chí giao thông trong bộ tiêu chí nông thôn mới 111/111 xã, góp phần hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới và tỉnh Lâm Đồng được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng nhất trong xây dựng nông thôn mới. Tổng kinh phí đầu tư đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2015-2020 là 2.749 tỷ đồng, trong đó: ngân sách địa phương là 1.661 tỷ đồng, ngân sách Trung ương là 645 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 370 tỷ đồng, nguồn vốn khác là 73 tỷ đồng.

b) Quản lý nhà nước về hạ tầng giao thông

- Công tác quản lý, bảo trì đường bộ: Tổng kinh phí thực hiện công tác duy tu, bảo trì các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh là 857 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Trung ương 498 tỷ đồng; ngân sách địa phương 359 tỷ đồng. Cơ quan chức năng và các địa phương đã thực hiện tốt công tác quản lý, bảo trì đường bộ, từng bước xử lý tình trạng hư hỏng, xuống cấp, khắc phục kịp thời các sự cố sạt lở trong mùa mưa bão, đảm bảo được giao thông thông suốt trên các tuyến đường quản lý, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân.

- Công tác bảo vệ hành lang an toàn đường bộ: Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 về Kế hoạch lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ, đường sắt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020; Sở Giao thông vận tải đã phối hợp các cơ quan liên quan và các địa phương xây dựng và triển khai Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hành lang an toàn đường bộ; qua đó, hành lang an toàn đường bộ được quản lý chặt chẽ hơn, hạn chế tình trạng lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

- Công tác quản lý chất lượng công trình giao thông: Các sở, ban, ngành chức năng đã phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng dự án giao thông đầu tư trên địa bàn đảm bảo chất lượng, hiệu quả; đồng thời, kịp thời phát hiện, khắc phục, xóa bỏ một số điểm đen trên một số tuyến đường, như: ĐT.725 (đoạn Km13 - Km14 qua thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm); Quốc lộ 27 (tại Km109+900 và Km141) và Quốc lộ 27C (đoạn Km66+500 - Km66+700, Km78+200 - Km78+500).

c) Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng: Cơ quan chức năng và các đơn vị có liên quan đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố có dự án đầu tư tổ chức tuyên truyền, vận động và triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đối với từng hạng mục công trình theo đúng quy định về trình tự, thủ tục,

cơ bản đáp ứng được yêu cầu thi công và được người dân đồng thuận cao, tạo điều kiện thuận lợi trong thi công các công trình giao thông, đặc biệt là việc hiến đất trong xây dựng đường giao thông nông thôn.

3. Công tác quản lý vận tải, bảo đảm trật tự an toàn giao thông

a) Công tác quản lý vận tải

- Về quản lý hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa và bến bãi:

+ UBND tỉnh đã triển khai và phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe taxi, xe buýt và tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh, vị trí các điểm dừng đón, trả khách trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (các Quyết định: số 2841/QĐ-UBND ngày 28/12/2016, số 2842/QĐ-UBND ngày 28/12/2016, số 595/QĐ-UBND ngày 28/3/2017) làm cơ sở cho công tác quản lý, triển khai thực hiện.

+ Cơ quan chức năng đã thường xuyên theo dõi, khai thác dữ liệu tích hợp từ thiết bị giám sát hành trình gắn trên phương tiện vận tải hành khách phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về vận tải và ATGT; từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu trong quản lý hoạt động vận tải đường bộ, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và bảo đảm ATGT trong hoạt động vận tải. Tổ chức điều tra cơ bản, nắm tình hình quản lý, thống kê số lượng xe hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận tải; kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh kịp thời đối với các bến xe hoạt động không theo quy định, xử lý “xe dù”, “bến cóc”, vi phạm quy định về vận tải hành khách, không đảm bảo điều kiện lưu hành.

+ Toàn tỉnh hiện có: 03 đơn vị hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt trên 08 tuyến (07 tuyến liên huyện và 01 tuyến nội thị) với 74 xe; 09 đơn vị hoạt động xe taxi với 1.645 xe; 24 đơn vị vận chuyển hành khách trên 107 tuyến (14 tuyến nội tỉnh và 88 tuyến liên tỉnh) với 310 xe; 33 đơn vị hoạt động vận tải theo hợp đồng, du lịch với 321 xe; 61 đơn vị vận tải hàng hóa với khoảng 2.377 xe tải, 147 xe đầu kéo và 128 xe container; 12 bến xe, trong đó có 11 bến đã được xã hội hóa (các bến xe được xây dựng khang trang, hiện đại tuy nhiên do một số xe hoạt động trá hình, một số vị trí bến xe không thuận lợi nên các bến xe xã hội hóa hoạt động tương đối khó khăn).

- Về đăng ký xe:

Thực hiện đúng quy định của Bộ Công an về đăng ký phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác đăng ký xe.

Từ năm 2015 đến nay, đã thực hiện đăng ký mới 23.965 xe ô tô; 277.932 xe mô tô; cấp 168 giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên. Tổng số phương tiện giao thông hiện đang quản lý khoảng 1.111.632 phương tiện, gồm: 64.004 xe ô tô và 1.047.628 xe mô tô.

- Về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe:

Toàn tỉnh hiện có: 01 Trung tâm sát hạch lái xe ô tô loại I; 01 Trung tâm sát hạch lái xe ô tô loại II; 06 Trung tâm sát hạch lái xe ô tô loại III và 14 cơ sở đào tạo (trong đó: 04 cơ sở vừa đào tạo lái xe ô tô và mô tô; 02 cơ sở đào tạo lái xe ô tô và 8 cơ sở chuyên đào tạo lái xe mô tô ở các địa phương trong tỉnh).

Hàng năm, đã thành lập các Đoàn công tác kiểm tra tiêu chuẩn kỹ thuật các cơ sở đào tạo và Trung tâm sát hạch lái xe để kịp thời chấn chỉnh và yêu cầu khắc phục công tác đào tạo, sát hạch; hệ thống sổ sách, biểu mẫu để quản lý quá trình đào tạo các lớp, khóa học và công tác quản lý thu, chi học phí đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông theo quy định.

Giai đoạn 2015-2020, Sở Giao thông vận tải đã cấp mới 98.010 giấy phép lái xe (trong đó: mô tô các hạng là 57.827 giấy phép lái xe; ô tô các hạng là: 40.183 giấy phép lái xe) và cấp đổi là 140.081 giấy phép lái xe (trong đó: 121.116 giấy phép mô tô các hạng; 35.908 giấy phép ô tô các hạng).

b) Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông

- Về tình hình tai nạn giao thông:

Từ năm 2015 đến tháng 3/2020, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 1.033 vụ, làm chết 694 người, bị thương 730 người. So với giai đoạn 2010-2015, số vụ giảm 8 vụ, giảm 0,76%; số người chết giảm 119 người, giảm 14,63%; số người bị thương giảm 48 người, giảm 6,17%.¹

+ Nguyên nhân gây ra TNGT: vi phạm tốc độ 66 vụ; vi phạm làn đường, phần đường 366 vụ; vượt xe 55 vụ; tránh xe 10 vụ; chuyển hướng sai quy định 83 vụ; không nhường đường 45 vụ; sử dụng rượu bia 10 vụ; không chấp hành hiệu lệnh biển báo hiệu 05 vụ; vi phạm quy trình thao tác lái xe 170 vụ; không đảm bảo an toàn kỹ thuật 01 vụ; dừng, đỗ không đúng quy định 03 vụ; không chú ý quan sát 01 vụ; do người đi bộ 19 vụ; nguyên nhân khác 199 vụ.

+ Đối tượng xảy ra TNGT: (i) về tuyến đường: đường quốc lộ 499 vụ, đường tỉnh lộ 82 vụ, đường cao tốc 6 vụ, đường nội thị 296 vụ, đường nông thôn 150 vụ; (ii) về thời gian: từ 0-6h là 60 vụ, 6-12h là 188 vụ, 12-18h là 355 vụ, 18-24h là 430 vụ; (iii) về độ tuổi: dưới 18 tuổi là 71 vụ, từ 18-27 tuổi là 330 vụ, từ 27-55 tuổi là 570 vụ, trên 55 tuổi là 62 vụ.

Ngoài ra, kể từ khi có Luật Phòng chống tác hại của rượu bia, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường bộ, đường sắt (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020); tình hình TNGT trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực và giảm sâu trên cả 03 mặt, cụ thể: toàn tỉnh xảy ra 23 vụ, làm chết 15 người, 16 người bị thương. So với cùng

¹ Theo quy định của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, từ năm 2013 trở đi bắt đầu thống kê tai nạn giao thông bao gồm cả số vụ va chạm giao thông, do cách thống kê khác nhau nên số liệu so sánh giữa 2 giai đoạn 2010-2015 và 2015-2020 còn chưa khách quan. Thực tế nếu có thống kê cả va chạm giao thông từ 2012 trở về trước thì số vụ và số người bị thương giai đoạn 2015-2020 so với giai đoạn trước còn giảm sâu hơn nữa.

kỳ, số vụ giảm 18 vụ (23/41), giảm 43,9%; số người chết giảm 16 người (15/31), giảm 51,61%; số người bị thương giảm 09 người (16/25), giảm 36%.

- Công tác tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm:

+ Đường bộ: Lực lượng chức năng đã kiểm tra, phát hiện và xử phạt 331.588 trường hợp vi phạm, tạm giữ 34.789 xe mô tô, 2.581 xe ô tô; thu phạt hơn 215.658 triệu đồng, tước 15.620 giấy phép lái xe; trong đó: xử lý 12.289 xe ô tô khách vi phạm, 2.062 trường hợp xe ô tô tải chở hàng quá tải trọng.

+ Đường thủy nội địa: Lực lượng chức năng, chính quyền các cấp tiến hành đồng bộ các biện pháp bảo đảm TTATGT trên tuyến đường thủy nội địa. Khảo sát, lập danh sách tàu, thuyền khai thác khoáng sản không có đăng ký, đăng kiểm và phát hiện, xử phạt 314 trường hợp vi phạm, thu phạt 586 triệu đồng; tạm giữ 6 tàu, thuyền; đình chỉ hoạt động 215 phương tiện.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về TTATGT:

Thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TU, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGT trên địa bàn tỉnh đã được các sở, ngành, cơ quan, địa phương đẩy mạnh, trọng tâm là tuyên truyền về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, các quy định tải trọng phương tiện và hoạt động kinh doanh vận tải, qua đó nâng cao nhận thức của người tham gia giao thông, các đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh; cụ thể:

+ Các cơ quan thông tin đại chúng đã xây dựng các tin, bài phóng sự đưa tin về công tác đảm bảo TTATGT; duy trì chuyên mục "*An toàn giao thông*" hàng tuần, đưa tin về công tác đảm bảo TTATGT với nhiều hình thức và nội dung tuyên truyền phù hợp, thiết thực, đạt hiệu quả cao.

+ Tổ chức ký cam kết đến các đơn vị, tổ chức, cá nhân có tham gia hoạt động kinh doanh liên quan đến hoạt động giao thông vận tải với các nội dung như: không vi phạm trật tự vận tải, không chất hàng lên xe quá tải trọng quy định, không vi phạm hành lang an toàn đường bộ,...; tổ chức tuyên truyền, ký cam kết đối với các hộ dân, cơ sở kinh doanh không lấn chiếm lòng, lề đường; lồng ghép tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào "*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*" tại các khu dân cư.

+ Vận động, huy động các nguồn lực để xã hội hóa công tác tuyên truyền ATGT, các mô hình an toàn giao thông, như: "*đoạn đường tự quản*", "*cổng trường học an toàn giao thông*", "*Tuyến đường an toàn giao thông*", "*Doanh nghiệp đồng hành cùng an toàn giao thông*". Ngoài ra, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc các cấp xây dựng mô hình "*Khu dân cư bảo đảm trật tự ATGT*" và "*Hộ gia đình đăng ký bảo đảm trật tự ATGT*" gắn với cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*" và phong trào "*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*",... nhiều mô hình phát huy hiệu quả, được phổ biến và nhân rộng đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức của người dân, nâng cao hiệu quả bảo đảm ATGT.

+ Giai đoạn 2015-2020, toàn tỉnh đã tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về bảo đảm TTATGT với: 1.250.320 tài liệu (*như: tờ rơi, áp phích, sổ tay, ...*); 2.180 pa nô, băng rôn, 1500 m² pano; 4.200 ấn phẩm (*như: DVD, phóng sự, phim tài liệu, chuyên mục, ...*); 4.312 buổi tuyên truyền trực tiếp và 1.200 hội nghị, hội thi, tập huấn.

- Công tác phòng ngừa vi phạm, tiêu cực trong hoạt động của lực lượng thực thi công vụ: Hằng năm các cơ quan chức năng, đơn vị liên quan xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch về công tác phòng, chống tham nhũng; phổ biến kịp thời các văn bản chỉ đạo mới có liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành đến lực lượng thực thi công vụ để kịp thời nắm bắt và triển khai ký cam kết không vi phạm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, sách nhiễu, gây phiền hà đối với các tổ chức, cá nhân liên quan dưới mọi hình thức. Đồng thời, thực hiện quy chế luân chuyển, chuyển đổi vị trí, địa bàn công tác đối với lực lượng thực thi công vụ trong bảo đảm TTATGT; cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, pháp luật, thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát huy dân chủ trong công tác đảm bảo TTATGT.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Qua 05 năm thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TU, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã đã có nhiều chủ trương, biện pháp, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, sát với tình hình thực tế, hiệu quả; cụ thể:

- Các công trình kết cấu hạ tầng giao thông thiết yếu đã được quan tâm đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, hạ tầng giao thông vận tải của tỉnh tiếp tục có bước chuyển biến rõ nét, nâng cao năng lực vận tải, đáp ứng các điều kiện về bảo đảm ATGT.

- Công tác quản lý hoạt động vận tải, đăng kiểm phương tiện, quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe được kiểm soát tốt hơn, nhận thức của người dân, chủ doanh nghiệp được nâng lên, góp phần đưa hoạt động kinh doanh vận tải đi vào trật tự, ổn định.

- Công tác bảo đảm TTATGT đã đạt được một số kết quả nhất định; tình hình TNGT đã được kiềm chế, số vụ, số người chết và số người bị thương có chiều hướng giảm dần qua các năm; đã phát huy được vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong việc thực hiện Cuộc vận động “*Toàn dân giữ gìn trật tự ATGT*”; công tác tuyên truyền mang lại hiệu quả, nhận thức của người dân về ATGT được nâng cao; các hành vi vi phạm về TTATGT được phát hiện, xử lý nghiêm minh, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

- Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuy từng bước được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, chưa có sự kết nối thông suốt giữa giao thông đối ngoại và đối nội;

nhều tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ chậm đầu tư, nâng cấp nên hư hỏng, xuống cấp ngày càng nghiêm trọng; hạ tầng giao thông đô thị (*nhất là tại thành phố Đà Lạt*) còn nhiều bất cập, ùn tắc giao thông vẫn diễn ra vào ngày cao điểm; công tác duy tu, bảo trì chưa đáp ứng được yêu cầu bảo đảm ATGT.

- Việc triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của các dự án đầu tư đều chậm tiến độ so với yêu cầu, nhất là việc khảo sát, xác định hệ số giá đất thị trường làm cơ sở tính toán giá trị bồi thường còn nhiều khó khăn, vướng mắc.

- Công tác quản lý trật tự vận tải chưa chặt chẽ, chế tài chưa đủ mạnh; tình trạng xe dù, bến cóc, xe chở quá tải trọng chưa được quản lý chặt chẽ và xử lý triệt để (*một số địa phương tình trạng xe chở vật liệu xây dựng quá tải vẫn còn xảy ra gây hư hỏng, xuống cấp các tuyến đường giao thông*); việc dừng, đỗ, đón trả khách còn tùy tiện gây ảnh hưởng đến tình hình TTATGT, ùn tắc giao thông.

- Tình hình tai nạn giao thông còn diễn biến phức tạp, tuy có giảm nhưng chưa bền vững; công tác tuần tra, kiểm soát của các lực lượng chức năng chưa được thường xuyên, liên tục; còn xảy ra tình trạng tụ tập điều khiển xe mô tô gây mất trật tự công cộng, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ cho công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm chưa phát huy hiệu quả tính răn đe, tự giác, phòng ngừa vi phạm.

- Một số điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ TNGT chưa được giải quyết, khắc phục kịp thời; tình trạng vi phạm quy định về quy hoạch và trật tự xây dựng ảnh hưởng đến TTATGT còn diễn ra ở nhiều địa phương mà chưa được chấn chỉnh, xử lý nghiêm, dứt điểm; đặc biệt là vi phạm về hành lang an toàn đường bộ; tình trạng tự ý họp chợ, bày bán hàng hóa, coi nói nhà cửa và lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè để kinh doanh,... chưa được xử lý;

- Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TTATGT còn nhiều hạn chế, bất cập; hình thức, nội dung tuyên truyền nhiều nơi còn sơ sài, đơn điệu, chưa bám sát vào thực tế, chưa tạo chuyển biến rõ rệt trong ý thức chấp hành của người dân.

3. Nguyên nhân

- Việc tập trung nguồn lực xây dựng và phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, nâng cao năng lực vận tải, bảo đảm trật tự ATGT còn chậm so với yêu cầu đề ra (chủ yếu do nguồn vốn hạn chế); việc quản lý phương tiện giao thông đường bộ, hành lang an toàn đường bộ còn gặp nhiều khó khăn, bất cập, chưa đạt hiệu quả; công tác khắc phục các vi phạm về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chưa được chú trọng; chất lượng thi công các công trình giao thông chưa cao, tiến độ chậm; công tác đảm bảo ATGT trong quá trình thi công công trình giao thông chưa được quan tâm đúng mức.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TU có lúc, có nơi còn chưa quyết liệt và thường xuyên; chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân; chưa gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác bảo đảm trật tự, ATGT; sự

phối hợp giữa các sở, ban, ngành, các cấp trong công tác bảo đảm trật tự ATGT có lúc, có nơi chưa nhịp nhàng, chặt chẽ.

- Ý thức của một bộ phận người dân, lái xe tham gia giao thông chưa cao; tình trạng lái xe sau khi sử dụng rượu, bia, chất kích thích vẫn diễn ra; một bộ phận doanh nghiệp, chủ phương tiện chưa được trang bị đầy đủ về nhận thức, ý thức đạo đức, nghề nghiệp, chạy theo lợi nhuận vi phạm các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh vận tải.

- Do quá trình đô thị hóa nhanh, lưu lượng phương tiện giao thông tăng nhanh trong những năm gần đây (*tổng số phương tiện giao thông hiện đang quản lý trên địa bàn tỉnh khoảng 1.111.632 phương tiện, tương đương khoảng 1 người dân có 1 phương tiện*) cùng với lượng du khách tăng cao trong khi hạ tầng giao thông chưa đáp ứng, bãi đậu xe còn thiếu,... dẫn đến tình trạng quá tải về năng lực vận tải của hệ thống đường bộ, gây ùn tắc giao thông và nguy cơ mất ATGT cao, nhất là địa bàn thành phố Đà Lạt.

- Do đặc thù địa hình, địa chất, thời tiết của tỉnh (*mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11, thường xuyên chịu ảnh hưởng của các cơn bão, áp thấp trên biển Đông*) nên hệ thống hạ tầng giao thông nhanh hư hỏng, xuống cấp trong khi nguồn vốn đầu tư xây dựng và duy tu, sửa chữa còn hạn chế nên chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân.

4. Một số bài học kinh nghiệm

a) Về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông

- Các chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và đầu tư xây dựng các công trình giao thông phải xuất phát từ thực tiễn, phù hợp với điều kiện thực tiễn và phải được triển khai đồng bộ, giải quyết kịp thời về các nguồn lực (*nhất là vốn*) mới đảm bảo tiến độ thi công và chất lượng công trình, hiệu quả công trình, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá của nhân dân, tạo được sự đồng thuận cao trong nhân dân và dư luận xã hội.

- Trong đầu tư xây dựng công trình giao thông (*nhất là đường giao thông nông thôn và thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng*), trước hết phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động để cả hệ thống chính trị và nhân dân nhận thức đúng và đầy đủ về chủ trương đầu tư xây dựng, phải làm cho người dân hiểu được họ là chủ thể quan trọng và được hưởng lợi nhiều nhất khi đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông.

b) Về công tác quản lý vận tải

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao ý thức, trách nhiệm của các chủ doanh nghiệp vận tải, chủ phương tiện đi kèm với chế tài xử phạt ở mức cao nhất và nghiêm minh qua thiết bị giám sát hành trình (phạt nguội).

- Xây dựng quy định phân loại được các đơn vị vận tải (*nhất là đối với các đơn vị vận tải hành khách*) thành các hạng tương ứng theo mức độ đạt được về chất lượng dịch vụ vận tải và đảm bảo ATGT để có cơ chế, chính sách quản lý phù

hợp theo hướng: Nhà nước công bố rộng rãi các đơn vị vận tải đảm bảo về chất lượng dịch vụ vận tải và chỉ số an toàn giao thông để hành khách, chủ hàng biết và có cơ sở lựa chọn người cung cấp dịch vụ.

c) Về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông

- Để hoàn thành mục tiêu trong thực hiện công tác đảm bảo TTATGT cần có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, sự vào cuộc quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương (*nhất là người đứng đầu*) để huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của nhân dân.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền đảm bảo sát với tình hình thực tế, khả năng nhận thức của người dân, doanh nghiệp vận tải khi tham gia giao thông theo các quy định hiện hành.

- Trong triển khai thực hiện công tác đảm bảo TTATGT cần phải kiên trì, thường xuyên, liên tục, cương quyết, minh bạch và bảo đảm đúng quy định pháp luật; kịp thời đánh giá, rút ra những bài học kinh nghiệm để đề ra các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về công tác đảm bảo TTATGT đối với từng sở, ngành, cơ quan, địa phương, đơn vị trong thời gian kế tiếp.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/02/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm TTATGT đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm TTATGT và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019-2021; Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 22/4/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng; Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 13/01/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện chiến lược quốc gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Báo cáo số 207-BC/TU ngày 13/11/2017 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng,...

2. Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông gắn với duy tu, bảo đảm an toàn giao thông và khai thác có hiệu quả các công trình hạ tầng hiện hữu; xây dựng kế hoạch, lộ trình để triển khai xử lý hoặc phối hợp xử lý kịp thời những “điểm đen” tai nạn giao thông, những nút thắt ùn tắc giao thông trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt; đặc biệt là việc quản lý vỉa hè, lòng đường, lề đường của các tuyến đường trong đô thị; rà soát, xử lý triệt để công trình xây dựng sai phạm ảnh hưởng đến trật tự xây dựng, kiến trúc, mỹ quan đô thị, cảnh quan chung của khu vực và công tác đảm bảo an toàn giao thông tại các đô thị.

3. Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả, đồng bộ trong quản lý nhà nước về giao thông vận tải, quản lý quy hoạch đô thị, xây dựng, đất đai và du lịch

có liên quan đến nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn và chống ùn tắc giao thông; xây dựng các giải pháp quyết liệt, kịp thời để xử lý dứt điểm những tồn tại, vướng mắc về tình trạng xe dù, bến cóc, xe taxi, xe chờ quá khổ, quá tải trọng và nhu cầu bến, bãi đậu đỗ xe, điểm dừng, đón trả khách trên địa bàn.

4. Quản lý chặt chẽ hoạt động xây dựng bảo đảm việc đầu tư, xây dựng mới hoặc điều chỉnh, sắp xếp các đô thị, các trung tâm thương mại, trường học, bệnh viện... trong các đô thị phù hợp với năng lực kết cấu hạ tầng giao thông và vận tải công cộng; triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án chống ùn tắc giao thông trong thời gian tới lồng ghép với chiến lược phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh gắn với việc đầu tư, xây dựng các dự án, đề án, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGT, trật tự đô thị; đề cao trách nhiệm tự giác chấp hành Luật Giao thông, Luật Phòng chống tác hại của rượu bia, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường bộ, đường sắt có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, các công cụ truyền thông hiện đại để tạo chuyển biến trong hành vi của người tham gia giao thông.

6. Tăng cường và nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm về TTATGT với nòng cốt là lực lượng cảnh sát giao thông và tập trung vào các lỗi vi phạm, các đối tượng và nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông cao nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, sử dụng các thiết bị kỹ thuật hiện đại để giám sát, ghi hình, phát hiện và xử lý về TTATGT. Triển khai kết nối chia sẻ các dữ liệu dùng chung về TTATGT, quản lý lái xe, phương tiện, xử lý vi phạm TTATGT, hạ tầng giao thông, kiểm định phương tiện, giám sát hành trình xe ô tô; thông tin về phương tiện vi phạm được phát hiện qua hệ thống giám sát, xử lý vi phạm TTATGT trên toàn tỉnh.

7. Siết chặt kỷ cương trong công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, quản lý an toàn kỹ thuật phương tiện và bảo vệ môi trường, công tác quản lý vận tải, gắn chặt trách nhiệm của chủ doanh nghiệp vận tải và người điều khiển phương tiện được chủ doanh nghiệp thuê, trách nhiệm của chủ sở hữu phương tiện giao thông với trách nhiệm quản lý, sử dụng xe; khắc phục tình trạng mất cân đối giữa các loại hình vận tải; chú trọng đầu tư, phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng trong đô thị, vùng tỉnh và liên tỉnh, từng bước hạn chế phương tiện cá nhân.

8. Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về giao thông vận tải và TTATGT; nêu cao tinh thần trách nhiệm cao, gương mẫu trong khi thi hành công vụ. Trong điều kiện hạ tầng giao thông chưa đáp ứng yêu cầu (*do phương tiện tăng nhanh, tình hình trật tự, an toàn giao thông ngày càng phức tạp*), phải bố trí lực lượng đảm đương được nhiệm vụ bảo đảm TTATGT; kiên quyết xử lý những sai phạm, tiêu cực trong hoạt động quản lý lĩnh vực giao thông vận tải và quản lý TTATGT, gắn trách nhiệm trực tiếp của cơ quan

và Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước với lĩnh vực được giao quản lý nếu đề xảy ra vụ việc đặc biệt nghiêm trọng.

9. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong công tác quản lý trật tự xây dựng, giám sát và xử lý triệt để tình trạng lấn chiếm lòng lề đường, coi nói nhà cửa để buôn bán, ảnh hưởng đến trật tự, mỹ quan đô thị và an toàn giao thông ở từng địa phương trên địa bàn tỉnh. lúc

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng,
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT₁.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Trần Đức Quận



**PHỤ LỤC DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quy mô, công xuất, năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Vốn thực hiện giai đoạn 2015-2020	Ghi chú
I	Đường Quốc lộ		3,904,283	3,132,978	
1	Quốc lộ 20 đoạn Km123+105 - Km268	Đường cấp IV, III và đô thị dài 123,5km	2,075,167	2,075,167	Đoạn từ TP. Bảo Lộc đến thị trấn D'ran, huyện Đơn Dương.
2	Quốc lộ 20, tránh thành phố Bảo Lộc	Đường cấp III MN	749,953	749,953	
3	Quốc lộ 27, tránh sân bay Liên Khương	6km đường IV và 1 cầu BTCT	235,163	157,500	
4	Dự án cải tạo, nâng cấp QL.55 đoạn Km205+140 - Km229+140	Dài 24km, đường cấp III MN	700,000	6,358	Chuẩn bị đầu tư
5	Các cầu thuộc Dự án LRAM	73 cầu treo, cầu dân sinh	144,000	144,000	
II	Đường địa phương do Sở GTVT làm chủ đầu tư		1,734,343	740,841	
1	Nâng cấp, sửa chữa đoạn đường từ cầu đường Hồ Xuân Hương đến ngã ba Đarahoa	Đường cấp IV MN, đường đô thị dài 4,48Km	43,373	22,882	
2	Kiên cố hóa dầm và mặt cầu các cầu số 1, 2, 3, 5 và 6 trên tuyến đường B'sar - Đạ P'loa	Cầu BTCT vĩnh cửu	19,822	7,541	
3	Cải tạo cầu vượt đường sắt Trần Quý Cáp	Xây dựng mới 02 cầu tải nhẹ cấp hai bên cầu cũ	6,281	5,889	
4	Sửa chữa, cải tạo đường Nguyễn Hoàng, Phường 7, TP.Đà Lạt	Đường đô thị, L=2,1Km	26,688	17,000	

STT	Danh mục dự án	Quy mô, công suất, năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Vốn thực hiện giai đoạn 2015-2020	Ghi chú
5	Xây dựng đường nối hồ Tuyên Lâm với đường cao tốc Liên Khương - chân đèo Prenn	Đường cấp IV miền núi, L=7,8km	244,826	203,860	
6	Dự án đầu tư xây dựng thay thế 09 cầu treo	Đầu tư thay thế các cầu treo, cầu tạm mất ATGT	46,624	41,430	
7	Dự án xây dựng cống hộp thôn Nhơn Hòa, xã Lát	Cống hộp vĩnh cửu	3,895	3,761	
8	Dự án đầu tư nâng cấp đoạn đèo Tà Nung, các cầu Cam Ly Thượng, Thác Voi và xây dựng mới đoạn Tân Thanh - Tân Lâm đường tỉnh ĐT.725	Nâng cấp 7,2km, xây mới 23,5km, kiên cố hóa 2 cầu và 1 cống	943,333	214,600	Triển khai thi công trước năm 2015
9	Dự án xây dựng đường ĐT.723 đoạn Đà Lạt - Đa Cháy	Đường đô thị và đường cấp III miền núi, L=24,5km	235,906	58,478	Triển khai thi công trước năm 2015
10	Dự án xây dựng cầu Ông Thiệu	Cầu BTCT vĩnh cửu HL93, L=142,35m, B=10m	44,995	46,800	
11	Dự án xây dựng cầu Đa Long	Cầu 1 nhịp 40m, khổ cầu 8,5m, HL93	32,000	32,000	
12	Dự án đối ứng GPMB 73 cầu treo (LRAMP)	Thực hiện GPMB	6,600	6,600	
13	Dự án đầu tư xây dựng cầu Ka Đô	dài 1.082m, đường đô thị	80,000	80,000	
III	Đường địa phương do UBND các huyện, thành phố làm chủ đầu tư		3,155,482	2,868,620	
	TỔNG CỘNG		8,794,108	6,742,439	